TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 756/2023/DS-PT
Ngày: 20 - 7 - 2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thịnh

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Đình Đức
2. Bà Lê Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Đồng Văn Nam - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/DSPT ngày 08/6/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", do Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2023/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:7966/2023/QĐXX-PT ngày 20/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8766/QĐ-PT ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thu H - Sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 59, Quốc lộ X, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Văn Thị Mỹ A, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 94, đường Y, Cư xá L, Phường M, Quận N1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Ông Lê Trọng T - Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số 54H, đường D, phường O, quận N2, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/11/2022) (Vắng mặt không có lý do).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Dương Minh K - Sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 94, đường Y, Cư xá L, Phường M, Quận N1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông K:

Ông Phan Trọng Q Sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Số 464A, đường Y1, phường M2, Quận N1, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/10/2022) (Vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 28/7/2022, nguyên đơn bà Ngô Thị Thu H trình bày:

- Ngày 07/7/2020, vợ chồng bà Văn Thị Mỹ A và ông Dương Minh K đến gặp bà tại Văn phòng Công ty TL mượn 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, lãi suất 2%/tháng, bà A và ông K hẹn ngày 07/8/2020 sẽ trả hoặc sẽ bán nhà số 162, Tỉnh lộ X1 cho bà H.

- Ngày 25/8/2020, vợ chồng bà A ông K mượn thêm 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

- Ngày 26/8/2020, vợ chồng bà A ông K mượn thêm 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

- Ngày 01/10/2020, vợ chồng bà A ông K mượn thêm 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng. Bà A và ông K hứa sẽ bán cho bà nhà số 162, Tỉnh lộ X1 cho bà H.

Tổng cộng số tiền vốn gốc bà A và ông K mượn là 2.200.000.000 (hai tỷ hai trăm triệu) đồng, tiền lãi 24 tháng tạm tính là 1.060.000.000 (một tỷ không trăm sáu mươi triệu) đồng. Bà H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông K bà A trả số tiền vốn gốc vay và lãi là 3.260.000.000 (ba tỷ hai trăm sáu mươi triệu) đồng, trả một lần.

* Tại biên bản hòa giải ngày 24/02/2023, ông Lê Trọng T, là người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Văn Thị Mỹ A trình bày: bị đơn đồng ý trả số tiền vốn gốc vay là 2.200.000.000 đồng cho bà H vào ngày 03/3/2023. Số tiền bà A vay của bà H là nợ riêng hay nợ chung của vợ chồng bà A ông K tôi không biết vì tôi chưa hỏi bà A. Về tiền lãi mong bà H xem xét khi bà A trả tiền vốn gốc.

* Tại biên bản hòa giải ngày 24/02/2023, ông Phan Trọng Q, là người đại diện hợp pháp của ông Dương Minh K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Việc bà A vay mượn tiền của bà H là vay tư cách cá nhân, không liên quan gì đến ông K. Ngày 15/12/2020, bà A và ông K đã ly hôn theo Quyết định số 645/2020/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân Quận N1, Thành phố Hồ Chí

Minh. Ông K không chấp nhận yêu cầu của bà H buộc ông K cùng với bà A trả nợ cho bà H.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông Lê Hoàn V là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án buộc ông K và bà A trả cho bà H số tiền vốn gốc vay là 2.200.000.000 (hai tỷ hai trăm triệu) đồng, về tiền lãi hai bên thỏa thuận 2%/tháng là cao hơn quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử tính lại theo quy định của pháp luật, cụ thể gồm:

+ Số tiền vốn gốc vay 1.000.000.000 đồng (theo giấy vay tiền ngày 07/7/2020), tiền lãi trong hạn từ ngày 07/7/2020 đến ngày 07/8/2020, tiền lãi quá hạn từ ngày 08/8/2020 đến ngày xét xử.

+ Số tiền vốn gốc vay 1.200.000.000 đồng (theo giấy vay tiền ngày 06/10/2020), tiền lãi trong hạn từ ngày 06/10/2020 đến ngày 30/11/2020, tiền lãi quá hạn từ ngày 01/12/2020 đến ngày xét xử.

Do số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà A và ông K, tin nhắn điện thoại ngày 01/10/2020 bà A thừa nhận việc vay tiền vợ chồng đều biết, ngày 24/02/2023 Tòa án tiến hành đối chất nhưng bà A và ông K vắng, bà H xác định khi đến vay tiền có bà A và ông K. Bà H yêu cầu buộc bà A và ông K trả tiền vốn và tiền lãi một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Lê Trọng T là người đại diện hợp pháp của bị đơn, trình bày: Bà A vay tiền của bà H là nợ riêng vì bà A vay tiêu xài cá nhân, bà A đồng ý trả vốn và lãi theo yêu cầu của bà H.

- Ông Phan Trọng Q là người đại diện hợp pháp của ông Dương Minh K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Trước khi ly hôn thì ông K và bà A đã ly thân, nên việc bà A vay tiền của bà H ông K hoàn toàn không biết. Ông K không chấp nhận yêu cầu của bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2023/DS-ST ngày 05/4/2023, Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 147; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, khoản 1, 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 45 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị Thu H:

Buộc bà Văn Thị Mỹ A có trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị Thu H số tiền vốn vay và tiền lãi tổng cộng là 3.887.666.666 (ba tỷ tám trăm tám mươi bảy

triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà A chưa thi hành trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà A còn phải trả cho bà H tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị Thu H về việc buộc ông Dương Minh K có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với bà Văn Thị Mỹ A.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Văn Thị Mỹ A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 109.753.333 (một trăm lẻ chín triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

- Hoàn trả cho bà Ngô Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 48.600.000 (bốn mươi tám triệu sáu trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0045149 ngày 28/07/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của các bên theo luật định.

Sau khi xử sơ thẩm:

Ngày 11/4/2023, Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn kháng cáo ghi ngày 10/04/2023 của nguyên đơn bà Ngô Thị Thu H yêu cầu sửa bản án sơ thẩm: xác định tư cách tham gia tố tụng của ông Dương Minh K là bị đơn và buộc ông K cùng bà Văn Thị Mỹ A cùng có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền gốc và lãi tổng cộng là 3.887.666.666 đồng nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Ngô Thị Thu H xác định giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xác định lại ông Dương Minh K phải là bị đơn và buộc ông K cùng bà Văn Thị Mỹ A cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà H số tiền gốc và lãi tổng cộng là 3.887.666.666 đồng nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà H.

Bị đơn, bà Văn Thị Mỹ A do ông Lê Trọng T đại diện ủy quyền đã được Tòa án được triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Minh K do ông Phan Trọng Q là người đại diện theo ủy quyền không có kháng cáo án sơ thẩm, có ‘‘Đơn xin hoãn phiên tòa” với lý do bệnh.

Sau khi xử sơ thẩm, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không có đương sự nào bổ sung tài liệu chứng cứ tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật theo tố tụng tại cấp phúc thẩm: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tại giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị Thu H; giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 129/2023/DS-ST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (kèm bài phát biểu tại hồ sơ vụ án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thẩm vấn, tranh luận và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa - Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

"Đơn kháng cáo" của nguyên đơn bà Ngô Thị Thu H là trong thời hạn luật định; thủ tục kháng cáo đã thực hiện đầy đủ theo quy định tại Bộ luật dân sự, nên được chấp nhận xem xét về nội dung yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn bà Văn Thị Mỹ A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Minh K tất cả đều không có kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền của bà A vắng mặt không có lý do, đại diện theo ủy quyền của ông K vắng mặt - có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do "bị bệnh" nhưng không có bất cứ giấy tờ kèm theo thể hiện việc đang điều trị bệnh. Do đó căn cứ Điều 294, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung kháng cáo: Xét nguyên đơn bà Ngô Thị Thu H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xác định lại ông Dương Minh K phải là đồng bị đơn và phải cùng liên đới với bà Văn Thị Mỹ A bị đơn trả cho bà H số tiền vay gốc và lãi vay tổng cộng là 3.887.666.666 đồng, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực - Nhận thấy:

[2.1] Tại "Giấy vay tiền" ngày 07/7/2020 nội dung thể hiện bị đơn bà Văn Thị Mỹ A có vay của bà Ngô Thị Thu H nguyên đơn với số tiền là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, thời hạn vay đến ngày 07/8/2020 bà A sẽ cho bà H số tiền vốn gốc và tiền lãi theo lãi suất 2%/1 tháng (BL51).

[2.2] Tại "Giấy vay tiền" ngày 6/10/2020, có nội dung bà Văn Thị Mỹ A xác nhận có vay của bà Ngô Thị Thu H với số tiền: ngày 25/08/2020 là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; ngày 26/08/2020 vay là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng và ngày 01/10/2020 vay là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng. Tổng cộng đã vay là 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng chẵn, với lãi suất là 2%/1 tháng. Và hẹn đến ngày 30/11/2020 bà A sẽ trả cho bà H cả vốn gốc và tiền lãi số tiền đã vay này. Tại "Giấy vay tiền" này bà A còn ghi: "em hoàn toàn chịu trách nhiệm với số tiền trên" (BL50).

Như vậy tại hai "Giấy vay tiền" trên chỉ có bà Văn Thị Mỹ A ký tên là người vay tiền, ngoài ra không có ai khác - kể cả bà H là người cho bà A vay tiền. Tuy nhiên tất cả bà H bà A đều thừa nhận có cho nhau vay mượn tiền đúng như "Giấy vay tiền" ngày 07/07/2020 và "Giấy vay tiền" ngày 01/10/2020 đã thể hiện. Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của bà A thừa nhận bà A còn nợ bà H tổng cộng số tiền vay gốc là 2.200.000.000 (hai tỷ hai trăm triệu) đồng và tiền lãi. Do đó đây là "Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh" theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Và tất cả các bên đương sự không có ai kháng cáo về nội dung tiền vốn gốc hay tiền lãi mà án sơ thẩm đã tuyên xử.

[2.3] Xét "Đơn khởi kiện" ngày 28/7/2022, thể hiện: "Người khởi kiện" tên: Ngô Thị Thu H hiện là nguyên đơn; "Người bị kiện" tên Văn Thị Mỹ A hiện là bị đơn và tại mục "Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có) là: Dương Minh K" (BL52). Như vậy, tại đơn kiện chính bà H đã xác định kiện bị đơn là bà A, yêu cầu bà A cùng với chồng là ông K phải có trách nhiệm trả lại tiền gốc và lãi đã vay cho mình; kèm tài liệu chứng cứ là các "Giấy vay tiền" bà H nộp thể hiện chỉ mỗi bà A ký tên là người vay. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Dương Minh K tham gia tố tụng tại vụ án với tư cách "Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan" là phù hợp, đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không có căn cứ xác định ông Dương Minh K tham gia tố tụng vụ án phải với tư cách là bị đơn như yêu cầu kháng cáo của bà H.

[2.4] Tại các "Giấy đề nghị chuyển tiền nhanh liên Ngân hàng 24/7" từ Ngân hàng Sài Gòn - SCB Tây Sài Gòn ngày 07/07/2020 (BL45-48) thể hiện người chuyển tiền là: Ngô Thị Thu H cho người nhận là: Văn Thị Mỹ A với tổng số tiền là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng; phần nội dung chỉ là: "Ngô Thị Thu H chuyển tiền" và các "Giấy đề nghị chuyển tiền nhanh liên Ngân hàng 24/7" từ Ngân hàng Sài Gòn - SCB Tây Sài Gòn ngày 01/10/2020 với tổng số tiền là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng thể hiện người chuyển tiền là: Ngô Thị Thu H cho người nhận là: Văn Thị Mỹ A; phần nội dung là: *"Chuyển tiền cho chị A mượn lần 3"* (BL43-44 và 49).

Căn cứ các tài liệu chứng cứ như viện dẫn và được bà H xác nhận trên; đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của bà A bị đơn trình bày đồng ý sẽ trả toàn bộ số tiền gốc và lãi vay cho bà H mà không yêu cầu ông K phải có trách nhiệm cùng liên đới trả nợ, trong khi ông K cho rằng việc bà A vay mượn tiền của bà H là sử dụng tư cách cá nhân bà A, ông K không tham gia và không được biết nên ông K không đồng ý cùng với bà A trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

Với tin nhắn điện thoại ngày 01/10/2020 (BL74), tại phiên tòa phúc thẩm bà H xác nhận tin nhắn là do bà A nhắn và gửi cho bà H và sau đó thì bà A và ông K đã không "lên" gặp bà H để "đưa sổ đỏ" như nội dung tin nhắn đã gởi. Tại "Tường trình và cam kết" được công chứng chứng thực ngày 10/4/2023 (BL107-109), ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Bảo Tr trình bày nội dung có chứng kiến toàn bộ nội dung giao dịch vay mượn tiền giữa bà H với ông K "cùng vợ là bà Văn Thị Mỹ A …" nhưng tại tất cả các "Giấy vay tiền" bà H xuất trình cung cấp đều không có chữ ký hay tên của ông Th, bà Tr và ông Th, bà Tr cũng như bà H không có chứng cứ nào chứng minh cho nội dung mà bà Tr, ông Th cam kết, trong khi bà A và ông K tất cả đều trình bày rằng ông K không có cùng bà A tham gia, trao đổi vay mượn tiền bà H. Do đó mặc dù nguyên đơn bà H cho bị đơn bà A vay tiền trong lúc ông K với bà A chưa ly hôn, đang còn là vợ chồng; nhưng không có căn cứ xác định ông Dương Minh K có cùng bà A hoặc có biết việc bà A vay của bà H với tổng số tiền gốc là 2.200.000.000 đồng kèm lãi suất thỏa thuận như tại các "Giấy mượn tiền" và bà A đã sử dụng số tiền vay này để đầu tư vào tài sản chung hay phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình; để từ đó làm căn cứ buộc ông K phải có nghĩa vụ cùng với bà A trả nợ gốc vay và lãi vay cho bà H.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Thu H, chỉ buộc bị đơn bà Văn Thị Mỹ A có trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị Thu H tổng số tiền vay và tiền lãi tổng cộng 3.887.666.666 (ba tỷ tám trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Và không có căn cứ để chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của bà H. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phát biểu phân tích và đề nghị giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Ngô Thị Thu H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà H đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị Thu H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số129/2023/DS-ST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh - Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị Thu H:

Buộc bà Văn Thị Mỹ A có trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị Thu H số tiền vốn vay và tiền lãi tổng cộng là 3.887.666.666 (ba tỷ tám trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà A chưa thi hành trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà A còn phải trả cho bà H tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị Thu H về việc buộc ông Dương Minh K có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với bà Văn Thị Mỹ A.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Văn Thị Mỹ A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 109.753.333 (một trăm lẻ chín triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

- Hoàn trả cho bà Ngô Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 48.600.000 (bốn mươi tám triệu sáu trăm nghìn) đồng theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số: AA/2021/0045149 ngày 28/07/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Ngô Thị Thu H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn), nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng theo "Biên lai thu, tạm ứng án

phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0017146 ngày 11/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Đức **Lê Thị Ngọc Hương** **Nguyễn Bá Thịnh**

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu (20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Thịnh